TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2018/DS-ST.
Ngày 09/11/2018.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hậu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 09/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2018/TLST-DS ngày 07/8/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-DS ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: K96/124 đường Đ, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Th1**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 258/24 đường T, tổ 31, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 26/4/2018, tại buổi hòa giải ngày 08/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Trần Thị Th trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Nguyễn Thị Kim Th1 mượn tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 07/4/2018 mượn số tiền 383.800.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 20/6/2018 mượn số tiền 22.500.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 23/6/2018 mượn số tiền 55.000.000 đồng;

Tổng số tiền bà Th cho bà Th1 mượn là 461.300.000 đồng. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà Th1 trả cho bà số tiền trên nhưng bà Th1 cứ hẹn mà không trả. Nay bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải trả cho bà số tiền là 461.300.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*) và

không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai gửi Tòa án ngày 20/9/2018, tại buổi hòa giải ngày 08/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim Th1 trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Kim Th1 đã nhiều lần mượn tiền của bà Trần Thị Th. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 461.300.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*) thì bà đồng ý trả toàn bộ số tiền trên với phương thức như sau:

- Ngày 08/10/2019 trả 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn);
- Ngày 08/10/2020 trả 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn);
- Ngày 08/10/2021 trả 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn);
- Ngày 08/10/2022 trả 116.300.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Th1 cư trú tại địa chỉ số 258/24 đường T, tổ 31, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 461.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim Th1 thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị Th và thống nhất trả cho bà Th số tiền 461.300.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 08/10/2018 bà Th và bà Th1 thống nhất được phương thức trả tiền và Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó bà Th đã có đơn xin thay đổi ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay bà Th1 trình bày hoàn cảnh gia đình rất khó khăn không có khả năng trả một lần toàn bộ số tiền 461.300.000 đồng và xin trả dần hàng năm, mỗi năm 115.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

[4] Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Căn cứ vào các giấy mượn tiền, giấy cam kết đề ngày 07/4/2018, ngày 20/6/2018 và ngày 23/6/2018 xác định

bà Nguyễn Thị Kim Th1 có vay của bà Trần Thị Th tổng số tiền là 461.300.000 đồng, hẹn trả dần số tiền trên mỗi ngày 200.000 đồng đến 350.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà Th1 không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết mặc dù bà Th đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th buộc bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 461.300.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*) đã vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của bà Th1 xin trả số tiền 461.300.000 đồng theo phương thức trả dần hàng năm, mỗi năm 115.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể thoả mãn yêu cầu của bà Th1. Về tiền lãi do bà Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Án phí DS-ST: Bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 461.300.000 đồng, mức án phí cụ thể: 20.000.000 đồng + (61.300.000 đồng x 4%) = 22.452.000 đồng.

Do bà Nguyễn Thị Kim Th1 có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bà Th1 50% án phí, bà Th1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.226.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Trần Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Kim Th1.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải trả cho bà Trần Thị Th số tiền **461.300.000** đồng (*bốn trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí DSST: 11.226.000 đồng (*Mười một triệu, hai trăm hai mươi sáu*

ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Kim Th1 phải chịu (đã giảm 50% do hoàn cảnh gia đình khó khăn).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí 11.226.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004035 ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hậu